



dì léi

地雷

noun · landmine

Example Sentences

shì bīng men xiǎo xīn de bì kāi le dì léi

士兵们小心地避开了地雷。

The soldiers carefully avoided the landmines.

zhàn zhēng jié shù hòu tā men qīng lǐ le dì léi

战争结束后，他们清理了地雷。

After the war ended, they cleared the landmines.

Trace each character, then write the word on your own.

地	地	地	地	地	地	地	地	地		
雷	雷	雷	雷	雷	雷	雷	雷	雷	雷	雷
雷	雷	雷	雷	雷						